

Bản án số: 1125/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.
2. Ông Hoàng Minh Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn An Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1970; địa chỉ 8/6 Đường S, khu phố H, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1963; địa chỉ: 3/6 Đường N, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 3 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Ngọc C sống chung vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G huyện L tỉnh B (nay là tỉnh P). Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do ông bà bất đồng về quan điểm, lối sống không phù hợp. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Lê U sinh ngày 13/4/1995 và Nguyễn Chí V sinh ngày 20/11/1998. Con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc C: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông C đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông C không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Ngọc C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Giang huyện Phước Long tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước), theo giấy chứng nhận kết hôn số 325, quyển số 03 đăng ký ngày 16/8/1994 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà L xin được ly hôn với ông C do bà L không còn tình cảm với ông C, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp L ông C nhiều lần đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông C với bà L nhưng ông C không đến. Chứng tỏ ông C thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông C có hai con chung tên Nguyễn Lê U sinh ngày 13/4/1995 và Nguyễn Chí V sinh ngày 20/11/1998. Con chung đã trưởng thành.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Hai con chung tên Nguyễn Lê U sinh ngày 13/4/1995 và Nguyễn Chí V sinh ngày 20/11/1998 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014658 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà L đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nhã